

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 49/2025/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định quy trình, điều kiện và mức hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển theo Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển;

Xét Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy trình, điều kiện và mức hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển theo Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 1493/BC-KTNS ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định quy trình, điều kiện và mức hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển theo Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định quy trình, điều kiện, mức hỗ trợ thiệt hại về tàu cá và ngư cụ cho tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá đăng ký trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa bị thiệt hại do thiên tai

trên biển, ven biển, hải đảo (sau đây gọi tắt là trên biển) theo khoản 1 Điều 3 Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá đăng ký trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
2. Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

Tàu cá được hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên biển có mức thiệt hại về vật chất từ 30% trở lên theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.
2. Có các loại giấy tờ sau còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra vụ việc thiệt hại do thiên tai:
 - a) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;
 - b) Giấy phép khai thác thủy sản;
 - c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m trở lên);
 - d) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên).
3. Thực hiện xóa đăng ký tàu cá đối với tàu cá thiệt hại hoàn toàn.

Điều 4. Quy định về mức thiệt hại

1. Thiệt hại về tàu cá bao gồm:
 - a) Thiệt hại hoàn toàn: Mất tích, chìm, vỡ nát không còn khả năng sử dụng;
 - b) Thiệt hại rất nặng: Hư hỏng từ 50% đến 70% và có khả năng sửa chữa, tái sử dụng một phần;
 - c) Thiệt hại nặng: Hư hỏng từ 30% đến dưới 50% và có khả năng sửa chữa, tái sử dụng.
2. Mức thiệt hại về ngư cụ bao gồm:
 - a) Thiệt hại hoàn toàn: Mất tích, hư hỏng hoàn toàn không còn khả năng sử dụng;
 - b) Thiệt hại rất nặng: Hư hỏng từ 50% đến 70% và có khả năng sửa chữa, tái sử dụng một phần;
 - c) Thiệt hại nặng: Hư hỏng từ 30% đến dưới 50% và có khả năng sửa chữa,

tái sử dụng.

Điều 5. Quy định về mức hỗ trợ

1. Đối với trường hợp tàu cá hoạt động kiêm nhiều nghề, áp dụng mức hỗ trợ thiệt hại về ngư cụ theo nghề chính.

2. Mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn:

a) Hỗ trợ thiệt hại về tàu cá:

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên: 350.000.000 đồng đối với tàu cá vỏ thép; 250.000.000 đồng đối với tàu cá vỏ gỗ và các loại vật liệu khác;

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m: 200.000.000 đồng đối với tàu cá vỏ thép; 150.000.000 đồng đối với tàu cá vỏ gỗ và các loại vật liệu khác;

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m: 105.000.000 đồng đối với tàu cá vỏ thép; 75.000.000 đồng đối với tàu cá vỏ gỗ và các loại vật liệu khác;

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m: 45.000.000 đồng đối với tàu cá vỏ thép; 32.500.000 đồng đối với tàu cá vỏ gỗ và các loại vật liệu khác.

b) Hỗ trợ thiệt hại về ngư cụ (đối với tàu cá không làm nghề hậu cần):

b.1) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên:

- Tàu cá làm nghề chụp: 90.000.000 đồng/tàu cá;

- Tàu cá làm nghề vây, rê: 80.000.000 đồng/tàu cá;

- Tàu cá làm nghề câu: 20.000.000 đồng/tàu cá;

- Tàu cá làm nghề lồng bẫy, kéo và các nghề khác: 60.000.000 đồng/tàu cá.

b.2) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m:

- Tàu cá làm nghề chụp: 80.000.000 đồng/tàu cá;

- Tàu cá làm nghề vây, rê: 70.000.000 đồng/tàu cá;

- Tàu cá làm nghề câu: 20.000.000 đồng/tàu cá;

- Tàu cá làm nghề lồng bẫy, kéo và các nghề khác: 50.000.000 đồng/tàu cá.

b.3) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m: 20.000.000 đồng/tàu cá.

b.4) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m: 5.000.000 đồng/tàu cá.

3. Mức hỗ trợ thiệt hại rất nặng: Bằng 70% mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Mức hỗ trợ thiệt hại nặng: Bằng 50% mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thực hiện

1. Đánh giá thiệt hại:



Khi xảy ra thiệt hại do thiên tai gây ra đối với tàu cá hoặc sau khi nhận được thông báo của người dân, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập biên bản (theo mẫu số 01 kèm theo) xác minh, đánh giá thiệt hại theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gửi (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) 01 đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 02 kèm theo) tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký trụ sở/thường trú.

b) Bước 2: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định.

c) Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo kết quả thẩm định và đề xuất của Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị):

- Trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, trong đó nêu rõ lý do.

- Trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ.

d) Bước 4: Căn cứ Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

Điều 7. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Bố trí kinh phí hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ nguồn ngân sách cấp xã. Hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân bổ kinh phí bổ sung cho ngân sách cấp xã.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 37 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỌA



Lê Tiến Lam
Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh

